

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 210/2019/DS-PT

Ngày: 18/11/2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình;

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Duy Phương;

2. Bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 210/2019/TLPT-DS ngày 14/10/2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2019/QĐ-PT ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 200/2019/QĐ-PT ngày 07/11/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L; cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, bà L có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn T: Bà Huỳnh Thị Kim L; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Ứng Thị M; địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ứng Thị M: Ông Nguyễn Xuân P; địa chỉ: đường T, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Ứng Thị P; địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Ông Nguyễn Hữu S; trú tại: Thôn SL, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước, có mặt;

4.2. Ông Nguyễn Công H; địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

4.3. Ông Nguyễn Văn C; địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

4.4. Bà Nguyễn Thị Thúy H; địa chỉ: Đường N, tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

5. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Ứng Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L trình bày có nội dung như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L với bà Ứng Thị M là chỗ quen biết, làm ăn mua bán hạt Điều với nhau từ năm 2017, vợ chồng bà L thường mua hàng hóa là hạt Điều khô của bà M. Theo sự thỏa thuận của hai bên, vợ chồng bà L chuyển tiền cho bà M để bà M thu gom hạt Điều tại Đắk Lắk bán lại cho vợ chồng bà L và quá trình mua bán với nhau hai bên chỉ thỏa thuận qua điện thoại mà không lập hợp đồng. Vào ngày 23/4/2018, ông Nguyễn T đã đến Ngân hàng S, chi nhánh B, phòng giao dịch B chuyển trước cho bà Ứng Thị M số tiền 400.000.000 đồng vào tài khoản số 050041141929 của bà M, để bà M bán hạt Điều cho vợ chồng bà L với giá 49.000 đồng/kg hạt Điều khô, với điều kiện hạt Điều phải đạt chất lượng 3.1 (tức là 01kg Điều khô bóc được 0,31kg Điều nhân). Đến chiều ngày 23/4/2018, bà M cho xe chở hạt Điều từ Đắk Lắk xuống huyện B, tỉnh Bình Phước để giao hàng cho vợ chồng bà L. Tuy nhiên, sau khi nhận được hàng, qua kiểm tra thì phát hiện số lượng hàng bà M giao không đạt chất lượng như đã thỏa thuận (chất lượng chỉ đạt khoảng 2.7, tức là 01kg Điều khô chỉ thu được 0,27kg Điều nhân). Do hạt Điều bà M giao không đúng với chủng loại và chất lượng theo thỏa thuận mua bán, nên đến ngày 26/4/2018, bà L đã cho chở toàn bộ số hàng đã nhận đến nhà bà M để trả lại, bà M đã nhận lại số hàng hạt Điều và thống nhất trả lại số tiền 400.000.000 đồng cho vợ chồng bà L, nhưng cho đến nay mặc dù vợ chồng bà L đã đòi nhiều lần, nhưng bà M vẫn không hoàn trả lại số tiền đã nhận để bán hạt Điều là 400.000.000 đồng,

Ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ứng Thị M có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho vợ chồng bà L số tiền hàng đã nhận là 400.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, vợ chồng bà L có yêu cầu bà M phải trả khoản lãi phát sinh của số tiền 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, vợ chồng bà L đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu bà M phải trả lãi suất chậm trả.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Ứng Thị M và người đại diện theo ủy quyền trình bày có nội dung như sau:

Bà Ứng Thị M có quen biết với vợ chồng ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L qua việc mua bán hạt Điều với nhau. Quá trình làm ăn, mua bán với nhau, hai bên không có lập hợp đồng mua bán, thỏa thuận về chất lượng, chủng loại mà bà

L trực tiếp đến Đắc Lắc xem hạt Điều, nếu đạt chất lượng thì bà L lấy hàng về. Việc bà L khai sau khi thỏa thuận mua bán, bà M đưa hạt Điều đến huyện B, tỉnh Bình Phước để giao cho bà L là không đúng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà L về yêu cầu bà M trả lại số tiền hàng đã nhận 400.000.000 đồng là không đúng. Bà M xác định là bà có nhận số tiền 400.000.000 đồng do ông Nguyễn T chuyển khoản qua Ngân hàng S vào ngày 23/4/2018, nhưng số tiền này ông T, bà L chuyển khoản để trả tiền hàng còn nợ của lô hàng đã mua của bà M, cụ thể: Ngày 23/4/2018, bà L có mua của bà M lô hạt Điều có số lượng là 19.110kg, với giá là 48.000đ/kg, thành tiền là 917.280.000 đồng, bà L đã trả cho bà M tiền mặt là 517.280.000 đồng, còn lại 400.000.000 đồng thì bà L đã trả bằng hình thức chuyển khoản cho bà M (ông T đứng tên chuyển khoản), việc mua bán đã xong nên cho đến nay thì bà M không có nợ của bà L số tiền nào nữa. Việc bà L trình bày cho rằng chuyển cho bà M số tiền 400.000.000 đồng để bà M bán hạt Điều cho bà L là không đúng. Về phiếu cân xe và giấy nhận hàng do nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim L cung cấp thì bà M không đồng ý, vì đây là chuyển hàng khác, không liên quan đến vụ việc bà L khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ứng Thị P trình bày có nội dung như sau: Bà Ứng Thị P là em ruột của bà Ứng Thị M và bà P có quen biết bà Huỳnh Thị Kim L qua việc mua bán hạt Điều từ cách đây hơn một năm nay và việc mua bán hai bên chỉ qua điện thoại, không có bất kỳ giấy tờ nào. Từ ngày 23/4/2018 đến ngày 27/4/2018, bà P có mua bán hạt Điều khô với bà L tổng cộng hai lần. Bà P thừa nhận vào ngày 27/4/2018, bà P có đến cơ sở vật liệu và xây dựng Q, tại xã P, huyện K để cân hạt Điều do bà L chuyển lên Đắc Lắc, lý do bà P đứng ra cân là do thời điểm đó bà M đi lễ chùa nên nói bà P đứng ra cân và sau đó bà P đã mua lại lô hàng hạt Điều này của bà L để khi được giá thì bán lại cho người khác, sau khi cân xong thì hạt Điều được chở vào kho của bà P, các lần mua bán các bên đều đã thanh toán tiền đầy đủ và không ai còn nợ ai.

Người làm chứng là ông Nguyễn Công H và ông Nguyễn Văn C trình bày như sau: Ông H và ông C không có mối quan hệ gì với nguyên đơn ông Nguyễn T, bà Huỳnh Thị L cũng như với bị đơn bà Ứng Thị M. Vào ngày 26/4/2018, ông H và ông C có nhận chuyển hàng là hạt Điều khô từ nhà bà Huỳnh Thị Kim L tại huyện B, tỉnh Bình Phước đưa về tỉnh Đắc Lắc. Sau khi chở hàng từ tỉnh Bình Phước đến tỉnh Đắc Lắc, thì xe có đi đến Cơ sở vật liệu xây dựng và phân bón Q tại xã P, huyện K để cân vào ngày 27/4/2018 và sau đó giao hàng tại nhà bà Ứng Thị M. Khi thuê xe, bà M không thuê xe trực tiếp mà chỉ thông qua người trung gian để thuê, xe ô tô mà ông H và ông C chở hàng có biển kiểm soát là 47C-089.xx. Ông H và ông C chỉ có nhiệm vụ chở hàng và sau đó lấy phí vận chuyển như đã thỏa thuận, còn việc tranh chấp giữa bà L và bà M như thế nào thì ông H và ông C không biết.

Người làm chứng ông Nguyễn Hữu S trình bày như sau: Ông S và bà Huỳnh Thị Kim L là chỗ bạn hàng quen biết mua bán hạt điều khô, còn với bà Ứng Thị M

là người đồng hương. Năm 2017, ông S là người giới thiệu cho bà L mua bán hạt Điều khô với bà M. Chiều 26/4/2018, bà L có nhờ ông S cùng đi chuyển hàng là hạt Điều khô lên trả cho bà M, đến sáng ngày 27/4/2018, thì xe hàng đi đến Cơ sở vật liệu xây dựng và phân bón Q để cân hàng. Ông S là người gọi điện thoại cho bà M đến Cơ sở vật liệu xây dựng và phân bón Q để giám sát cân. Sau đó bà Ứng Thị M và bà Ứng Thị P đến và bà P là người vào giám sát cân và ký vào phiếu cân xe. Sau khi cân hàng xong, thì bà L cho xe chạy đến kho hàng của bà M và giao hàng trả lại cho bà M, khi đó bà M đã có mặt để nhận hàng và cho người nhà bốc lô hàng xuống xe. Sau khi nhận hàng xong, bà M cùng với bà L và ông S đã chạy xe ra lại trạm cân để cân lại trọng lượng của xe ô tô và sau khi trừ đi trọng lượng của xác xe thì số hàng Điều khô mà bà M nhận lại từ bà L là 19.100kg. Sau đó bà M thanh toán tiền cước vận chuyển cho lái xe là ông Nguyễn Văn C. Đối với lời khai của bà Ứng Thị P cho rằng mua lại lô hạt Điều của bà L vào ngày 27/6/2018 là không có thật và không đúng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ: Các Điều 26, 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 439, Điều 445 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L.

1. Buộc bà Ứng Thị M có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Ứng Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn T, bà Huỳnh Thị Kim L 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0009994, ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/9/2019 bị đơn bà Ứng Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với nội dung: Bản án sơ thẩm không xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tình tiết khách quan của vụ án và nội dung tranh tụng tại phiên tòa; không đưa người làm chứng là chủ xe tải 47C-030.xx, là xe vận chuyển hạt Điều tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng, nên đã gây ảnh hưởng đến

quyền và lợi ích hợp pháp của bà M; bà M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và phía bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Theo nội dung đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày nội dung như sau: Vào ngày 23/4/2018, bà M có bán cho bà L lô hàng hạt Điều số lượng là 19.110kg, với giá 48.000đồng/kg và thành tiền là 917.280.000 đồng. Sau khi bà L kiểm tra hạt Điều đạt chất lượng như yêu cầu, thì bà M cho bốc hàng lên xe ô tô biển kiểm soát 47C-030.xx, tiến hành cân xe tại cơ sở vật liệu và xây dựng Q. Sau khi cân xe đạt số lượng như đã thỏa thuận, bà L trả được số tiền mặt là 517.280.000 đồng, sau đó bà L nhờ ông Nguyễn T chuyển khoản cho bà M số tiền hàng còn lại 400.000.000 đồng vào ngày 23/4/2018, thì bà M mới cho xe xuất phát đi. Sáng ngày 24/4/2018, xe ô tô tải vận chuyển đã giao đủ số lượng hàng hạt Điều cho bà L tại kho của bà L ở huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước và khi nhận hàng bà L không có ý kiến thắc mắc gì về số lượng, chất lượng hạt Điều. Đến ngày 26/4/2018 thì bà L mới thông báo cho bà M là hàng không đạt chất lượng nên đề nghị trả lại, nhưng bà M không đồng ý. Sau đó hai bên thỏa thuận bà M đồng ý mua lại hạt Điều của bà L với giá tại thời điểm và với điều kiện đúng như hàng bà M đã giao. Đến ngày 27/4/2018, bà L cho xe ô tô chở hạt Điều về đến kho Vật liệu xây dựng Q để cân xe, giao hàng cho bà M và do bà M bận công việc nên em gái bà M là bà Ứng Thị P đến nhận hàng, nhưng do hạt không đúng như hàng đã giao nên bà M chỉ đồng ý mua lại với giá 45.000đ/kg và sau khi thống nhất bà P đã thanh toán đủ số tiền hàng cho bà L. Do việc mua bán trao tay và đã thanh toán xong, không ai nợ ai nên không lập giấy tờ gì. Việc bà L sử dụng phiếu chuyển tiền mua hạt Điều để khởi kiện yêu cầu bà M phải trả 400.000.000 đồng, là không đúng. Đồng thời, việc Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT, ngày 20/12/2018 với nội dung: Cấm bà Ứng Thị M thực hiện hành vi chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, thừa kế, góp vốn đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 05, diện tích 7662,0m², được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 7196xx cho bà Ứng Thị M vào ngày 11/9/2012. Tuy nhiên, diện tích đất này bà M đã làm hợp đồng tặng cho con là Đặng Thúy V, nhưng cấp sơ thẩm không đưa bà Đặng Thúy V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT, ngày 20/12/2018.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim L xác định: Nội dung trình bày như trên của phía bà M là không đúng, số lượng hạt Điều chở lên Đắc Lắc là để trả lại cho bà M và hoàn toàn không có việc bán lại cho bà M cũng như bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng

nếu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định vợ chồng bà L có mua lô hàng hạt Điều của bà Ứng Thị M vào ngày 23/4/2018 và ông T đã chuyển khoản cho bà M số tiền 400.000.000 đồng. Qua kiểm tra thì hàng không đạt chất lượng, nên ngày 27/4/2018, bà L đã trả lại số hạt Điều khô lại cho bà Ứng Thị M và bà M đã nhận lại lô hàng. Việc trả lại lô hàng của bà L, ông T phù hợp với Phiếu cân xe ngày 27/4/2018 và lời khai của những người làm chứng. Như vậy thỏa thuận mua bán của hai bên không thực hiện được. Do đó, ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Ứng Thị M trả lại tiền mua hàng và bản án sơ thẩm buộc bà M phải trả cho ông T và bà L số tiền 400.000.000 đồng là có căn cứ, nên kháng cáo của bà M là không có cơ sở chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Ứng Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Ứng Thị M, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Ứng Thị M kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập chủ xe ô tô tải 47C-030.xx, là người trực tiếp vận chuyển hạt Điều khô từ kho bà M đến giao cho bà L, để tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Xét thấy: Bà M là người thuê xe chở hạt Điều để giao cho bà L vào ngày 23/4/2018, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu bà M cung cấp họ tên và địa chỉ của chủ xe 47C-030.xx và lái xe ô tô, để Tòa án triệu tập làm việc, nhưng bà M khai không nhớ họ tên, địa chỉ của những người này vì bà thuê xe thông qua trung gian. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không thể triệu tập làm việc và không đưa chủ xe 47C-030.xx và lái xe tham gia tố tụng là đúng với quy định pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà M cung cấp họ tên, địa chỉ của chủ xe 47C-030.xx, đồng thời là người trực tiếp vận chuyển hàng giao cho bà L là bà Nguyễn Thị Thúy H, có địa chỉ tại đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành triệu tập họp lệ để làm việc và tham gia phiên tòa, nhưng bà H vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bà L đã xác nhận có việc ô tô biển kiểm soát 47C-030.xx do bà M thuê đã chở hàng hạt Điều đến giao cho bà L vào ngày 24/4/2018. Do đó

việc người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thúy H vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim L, ông Nguyễn T và bà Ứng Thị M có quan hệ mua bán hàng là hạt Điều khô với nhau từ năm 2017. Vào ngày 23/4/2018, vợ chồng bà L, ông T có thỏa thuận mua của bà M lô hàng hạt Điều với giá 49.000 đồng/kg hạt Điều khô, với điều kiện hạt Điều phải đạt chất lượng 3.1 (tức là 01kg Điều khô bóc được 0,31kg Điều nhân) và cũng trong ngày 23/4/2018, ông Nguyễn T đã chuyển khoản cho bà Ứng Thị M số tiền 400.000.000 đồng và bà M đã nhận số tiền này. Đến chiều ngày 23/4/2018, bà M cho xe ô tô chở lô hàng hạt Điều là 19.110kg từ Đắc Lắc xuống huyện B, tỉnh Bình Phước để giao hàng cho bà L. Sau khi nhận và kiểm tra hàng, bà L và ông T thấy số lượng hàng hạt Điều mà bà M giao không đạt chất lượng 3.1 như thỏa thuận mua bán, nên bà L, ông T đã thông báo trả lại số hạt Điều khô cho bà M và ngày 27/4/2018, bà L đã giao trả lại lô hàng hạt Điều cho bà M tại kho hàng nhà bà M.

Xét thấy: Tại Phiếu cân xe ngày 27/4/2018 của Cơ sở vật liệu xây dựng và phân bón Q, có ký xác nhận của người cân là bà Lê Thị S do bà L cung cấp và lời khai của bà Lê Thị S đã thể hiện nội dung vào ngày 27/4/2018 bà L có đưa xe ô tô biển kiểm soát 47C-089.xx đến cân xe tại Cơ sở vật liệu xây dựng và phân bón Q và xác định trọng lượng hàng là 19.100kg hạt Điều khô; đồng thời lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Công H (là người nhận chuyển hàng từ nhà bà Huỳnh Thị Kim L đến giao hàng tại nhà bà Ứng Thị M) đã thể hiện nội dung: Vào ngày 26/4/2018, ông H và ông C được thuê để chở hàng hạt Điều từ nhà bà L đến Đắc Lắc để giao hàng cho bà M, xe ô tô vận chuyển hàng có biển kiểm soát là 47C-089.xx; khi đến Đắc Lắc vào ngày 27/4/2019 thì xe ô tô có đến Cơ sở vật liệu xây dựng và phân bón Q để cân hàng, sau đó giao hàng tại nhà bà M và bà M là người trả cước phí vận chuyển; lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Hữu S (là người đi giao trả hàng cùng bà L) thể hiện: Vào tối ngày 26/4/2018, ông S đi cùng bà L chuyển hàng hạt Điều đến Đắc Lắc, đến sáng ngày 27/4/2019 thì đưa số hàng đến Cơ sở vật liệu xây dựng và phân bón Q để cân và bà Ứng Thị P vào giám sát cân và đứng tên lúc cân hàng, sau khi cân hàng xong thì xe ô tô chạy đến nhà bà M để giao hàng, bà M đã nhận và cho người bốc hàng xuống xe. Về số lượng hạt Điều giao trả ngày 27/4/2019 là 19.100kg và thiếu 10kg so với số lượng giao ngày 23/4/2019 (số lượng giao là 19.110kg), thì bà L xác định do trong quá trình vận chuyển bị hao hụt một phần và một phần do bà L bóc hạt để kiểm tra chất lượng nên số lượng điều giao trả ngày 27/4/2018 có hao hụt 10kg là phù hợp.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà Ứng Thị M và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà M cho rằng vào ngày 23/4/2018 bà M đã bán cho bà L lô hàng hạt Điều 19.110kg, với số tiền là 917.280.000 đồng, bà L là người lên xem hàng và trả trước số tiền mặt 517.280.000 đồng, còn lại 400.000.000 đồng thì đã chuyển

khoản trả đủ vào ngày 23/4/2018. Xét thấy: Bà M có cung cấp Phiếu cân xe đề ngày 23/4/2018 của Cơ sở vật liệu xây dựng và phân bón Q, nhưng Phiếu cân xe không có xác nhận của người cân và phần tính toán tiền hàng là do bà M tự viết; lời khai của bà Lê Thị S, là chủ Cơ sở vật liệu xây dựng và phân bón Q đã xác định Phiếu cân xe mà bà M cung cấp không phải do cơ sở cân của bà S phát hành. Đồng thời bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi bà L lại xác định hai bên thỏa thuận mua hàng qua điện thoại và chuyển trước cho bà M số tiền mua hàng là 400.000.000 đồng, chứ hoàn toàn không có việc xem hàng trước và trả trước số tiền 517.280.000 đồng. Do đó, ý kiến và trình bày của phía bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Đối với ý kiến của bà M cho rằng lô hàng hạt Điều mà bà L cho xe ô tô đưa lên Đắc Lắc vào ngày 27/4/2018 không phải là để giao trả lại hàng mà là bán lại cho bà M, nhưng do hàng không đúng chủng loại hàng đã giao, nên sau khi thống nhất giá cả, bà Ứng Thị P đã mua lại hàng và thanh toán đủ số tiền hàng cho bà L, là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Bà M đã thừa nhận có việc bà L cho xe ô tô chở hạt Điều về đến Cơ sở vật liệu xây dựng và phân bón Q để cân xe vào ngày 27/4/2018, nhưng bà M và bà P không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc bà L bán lại lô hàng cho bà P và hai bên đã thanh toán hết tiền hàng; trong khi lời khai của người làm chứng và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã thể hiện việc sau khi cân xe hàng hạt Điều vào sáng ngày 27/4/2018, thì hàng được chuyển về kho của bà M và bà M là người thanh toán cước phí vận chuyển cho lái xe.

Từ những phân tích và nhận định trên, có đủ cơ sở khẳng định: Bà Ứng Thị M có bán cho vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim L và ông Nguyễn T lô hàng hạt Điều là 19.110kg vào ngày 23/4/2018 và ông T đã chuyển trước số tiền mua hàng là 400.000.000 đồng. Sau đó bà M đã cho xe ô tô chở hàng giao cho bà L và bà L đã nhận lô hàng, nhưng do hàng không đạt chất lượng như đã thỏa thuận nên vợ chồng bà L đã chuyển trả lại hàng hạt Điều cho bà M vào ngày 27/4/2018 và bà M đã nhận lại lô hàng. Như vậy, thỏa thuận mua bán hạt Điều giữa hai bên đã không thực hiện được và chấm dứt tại thời điểm bà M nhận lại lô hàng hạt Điều. Do đó, việc nguyên đơn ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Ứng Thị M phải trả lại số tiền mua hàng 400.000.000 đồng đã chuyển trước, là có căn cứ và bản án sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với pháp luật, nên kháng cáo của bà Ứng Thị M là không có cơ sở chấp nhận và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, là đúng đắn.

[3] Xét ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Đặng Thúy V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT, ngày 20/12/2018. Xét thấy: Tại thời điểm Tòa án ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, thì quyền sử dụng đất vẫn đứng tên

và thuộc quyền sử dụng của bà M; đương sự có quyền khiếu nại quyết định theo quy định tại Điều 140 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ban hành quyết định thì không có ai khiếu nại; đồng thời đây là quyết định độc lập và có hiệu lực thi hành ngay theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, không liên quan đến việc giải quyết tranh chấp và khi bản án có hiệu lực pháp luật thì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sẽ được hủy bỏ theo quy định tại Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, không cần thiết phải đưa bà Đặng Thúy V vào tham gia tố tụng và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2018/QĐ-BPKCTT, ngày 20/12/2018, là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo là bà Ứng Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng: Điều 430, Điều 431, Điều 432 và Điều 439 của Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng: Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Ứng Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L.

1. Buộc bà Ứng Thị M có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Ứng Thị M phải chịu 20.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn T và bà Huỳnh Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 10.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số AA/2017/0009994, ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ứng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng mà bà Ứng Thị M đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0014328 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- CCTHADS huyện K;
- Các đương sự;
-
- Lưu.

(Đã ký)

Trương Công Bình